

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/01/2022

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu
2. Ông Hà Phú Quý

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2021, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, ông Huỳnh Văn B trình bày: Ông và bà Phạm Thị C xây dựng hôn nhân năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có hai con chung tên Huỳnh Thị Tuyết D, sinh ngày 25/3/1995 và Huỳnh Đình E, sinh ngày 01/01/1999, hiện các con trưởng thành; ông và bà C chung sống không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng ông đã sống ly thân hơn nửa năm nay. Trong thời gian mâu thuẫn và sống ly thân không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị C, không yêu cầu đoàn tụ; con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại đơn khởi kiện phản tố ngày 29/4/2021, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn bà Phạm Thị C trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn B xây dựng hôn nhân năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông B chung sống có hai con chung tên Huỳnh Thị Tuyết D, sinh ngày 25/3/1995 và Huỳnh Đình E, sinh ngày 01/01/1999, hiện các con đã trưởng thành; Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không có hạnh phúc, ông B thường xuyên bạo lực, đánh đập bà. Ngày 14/01/2021 (âm lịch) ông B uống rượu về chửi bới bà rồi đuổi bà ra khỏi nhà. Vợ chồng bà đã sống ly từ ngày 14/01/2021 (âm lịch) đến nay. Trong thời gian mâu thuẫn và sống ly thân không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Tài sản chung giữa bà và ông B gồm hơn 06 công tằm cây đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu do cha mẹ chồng cho nhưng hiện nay do ông Huỳnh Văn B đứng tên quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà cất năm 2011 do nhà nước cho 11.200.000 đồng, vợ chồng bà có bỏ thêm tiền vào để cất nhà hết hơn 30 triệu đồng. Nhà có cấu trúc: vách xây, thiếc, nền gạch bông, mái tôn xi măng, diện tích ngang 4,9m, dài 11m. Năm 2012, ông B đi tù bà ở nhà đã trả hết nợ cho nhà nước cả tiền vốn và lãi là khoảng 9.000.000 đồng. Đối với phần tài sản này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp bà sẽ yêu cầu khởi kiện trong vụ án khác. Nợ chung: Không có. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Văn B, không yêu cầu đoàn tụ. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Không công nhận ông Huỳnh Văn B và bà Phạm Thị C là vợ chồng. Con chung đã trưởng thành không xem xét, giải quyết. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị C đối với ông Huỳnh

Văn B; nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình ông Huỳnh Văn B phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Huỳnh Văn B yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị C, hiện nay bà C đang cư trú tại ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn B và bà Phạm Thị C chung sống từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông B yêu cầu ly hôn với bà C. Do đó, có đủ căn cứ không công nhận ông Huỳnh Văn B và bà Phạm Thị C là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Huỳnh Văn B và bà Phạm Thị C chung sống có hai con chung tên Huỳnh Thị Tuyết D, sinh ngày 25/3/1995 và Huỳnh Đình E, sinh ngày 01/01/1999, hiện các con trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Văn B xác định vợ chồng không có tài sản chung. Bà Phạm Thị C xác định tài sản chung hơn 06 công tằm cây đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu do cha mẹ chồng cho nhưng hiện nay do ông Huỳnh Văn B đứng tên quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà cất năm 2011 do nhà nước cho 11.200.000 đồng, vợ chồng bà có bỏ thêm tiền vào để cất nhà hết hơn 30 triệu đồng. Nhà có cấu trúc: vách xây, thiếc, nền gạch bông, mái tôn xi măng, diện tích ngang 4,9m, dài 11m. Năm 2012, ông B đi tù bà ở nhà đã trả hết nợ cho nhà nước cả tiền vốn và lãi là khoảng 9.000.000 đồng. Đối với phần tài sản này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp bà sẽ yêu cầu khởi kiện trong vụ án khác; nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự không có giá ngạch: Ông Huỳnh Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 51 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Văn B và bà Phạm Thị C là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị C đối với ông Huỳnh Văn B.

3. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình: Ông Huỳnh Văn B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ông Huỳnh Văn B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008579 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

Bà Phạm Thị C đã nộp tạm ứng án phí yêu cầu phản tố số tiền 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000551 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A được hoàn lại đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND xã H, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

